TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2023/HS-ST
Ngày: 24 – 5 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Ông Hà Văn Đông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vi Anh Tú.
2/ Ông Lý Văn Huân.

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2023/TLST – HS ngày 12 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lữ Văn T**, tên gọi khác: Không; sinh năm: 1973 tại huyện QC, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản B, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn Q (đã chết) và bà Lữ Thị Q; có vợ là Lữ Thị H và 02 người con; tiền án: Năm 2019 bị TAND huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt 04 năm tù về các tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2022 (chưa hết thời hạn được xem là đã xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/5/1999 bị TAND huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (đã được xóa án tích); tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2022 đến nay. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Vi Văn T1**, tên gọi khác: Không; sinh năm: 1995 tại huyện QC, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản B, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn L và bà Lữ Thị H (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2022 đến nay. (Có mặt)

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T2**, tên gọi khác: Không; sinh năm: 1998 tại huyện QH, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản C, xã CT, huyện QH, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Lo Thị X; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2022 đến nay. (Có mặt)

4. Họ và tên: **Vang Văn V**, tên gọi khác: Không; sinh năm: 1983 tại huyện QC, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản BC, xã CH, huyện QC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 2/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vang Văn N (đã chết) và bà Lương Thị V (đã chết); có vợ là Vi Thị T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2022 đến nay. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lữ Văn T và Nguyễn Văn T2*: Bà **Tạ Thị An** - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An – Công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vi Văn T1 và Vang Văn V*: Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An – Công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 20/12/2022 Công an xã CP, huyện QC phối hợp với Công an xã DL, huyện QC trong lúc tuần tra, làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực bản M, xã CP, huyện QC đã yêu cầu Vi Văn T1 và Nguyễn Văn T2 dừng xe mô tô để kiểm tra hành chính, do lo sợ T2 ngồi phía sau xe thả từ tay phải xuống đất 01 (một) gói nhỏ được bọc bằng hai lớp bao nilon, bên trong có chứa chất bột nén màu trắng (nghi là ma túy) nhưng bị phát hiện bắt quả tang, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, niêm phong vật chứng đưa các đối tượng về trụ sở làm việc, hai đối tượng khai nhận hành vi phạm tội được thực hiện cùng Lữ Văn T và Vang Văn V, sau khi biết sự việc bị bại lộ T đã ra đầu thú, V bị bắt giữ khẩn cấp, quá trình điều tra các đối tượng thừa nhận sự việc phạm tội cụ thể như sau:

Ngày 20/12/2022 Vi Văn T1 bắt xe khách từ thành phố V về nhà ở bản B, xã CP, huyện QC, đến thị trấn QH, huyện QH do không có xe về nên T1 đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T2 ở bản C, xã CT, huyện QH nhờ đón mình về nhà, T2 đồng ý và đi xe mô tô xuống đón T1, sau khi về đến nhà của T1 cả hai đến nhà của Lữ Văn T trú cùng bản với T1 chơi, tại nhà của T cả ba ngồi chơi được một lúc thì T khởi xướng việc góp tiền mua ma túy về sử dụng chung và được T1 và T2 đồng ý, nhưng T2 không có tiền nên T1 rủ T2 đi cùng mình và T mua ma túy sử dụng, cả ba đi đến nhà ở của Vang Văn V ở bản BC, xã CH, huyện QC là người quen của T, tại đó T nhờ V mua hộ ma túy, do là bạn cùng nghiện ma túy với nhau và để được sử dụng chung nên V đồng ý mua hộ, T góp số tiền

1.000.000đ (Một triệu đồng), T1 góp số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), T là người trực tiếp đưa số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) cho V đi mua ma túy, V cầm tiền và đi sâu vào khu vực rừng núi phía sau nhà, tại đó gặp một người đàn ông không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ mua được 01 (một) gói ma túy, sau khi về V giao gói ma túy lại cho T và cả 04 người cùng đi ra khu vực rừng cây keo sau nhà của V mỗi người lấy một ít ma túy trong gói ra để sử dụng, số ma túy còn lại T gói lại và đưa cho T2 cầm hộ để sau khi về đến nhà chia mỗi người một ít sử dụng. Sử dụng ma túy xong T đi về trước, T1 chở T2 đi về sau, đi đến khu vực bản M, xã CP bị lực lượng Công an yêu cầu kiểm tra hành chính do lo sợ T2 thả gói ma túy từ trên tay phải xuống mặt đất và bị bắt quả tang, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản thu giữ vật chứng gồm 01 (một) gói ma túy và 01 (một) chiếc xe mô tô, sau đó tiến hành bàn giao các đối tượng cho Công an huyện Quỳ Châu tiến hành điều tra xử lý theo quy định.

Tại biên bản mở niêm phong vật chứng xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại, lập ngày 20/12/2022 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, xác định: 01 (Một) gói bọc bằng hai lớp, lớp ngoài cùng bọc bằng mảnh bao nilon màu trắng, lớp trong cùng bọc bằng mảnh bao nilon màu hồng, bên trong có chứa chất rắn màu trắng (nghi là ma túy) có tổng khối lượng cả bì là 1,685g (một phẩy sáu trăm tám mươi lăm gam); Sau khi loại bỏ bao bì, số chất rắn màu trắng có khối lượng là 1,415g (Một phẩy bốn trăm mười lăm gam), cán bộ kỹ thuật hình sự trích lấy 0,125g (Không phẩy một trăm hai mươi lăm gam) đưa đi giám định tính chất ma túy. Số vật chứng còn lại gồm 1,29g (Một phẩy hai mươi chín gam) cùng mảnh bao nilon màu trắng, màu hồng và vỏ bao niêm phong cũ được niêm phong lại theo đúng quy định.

Kết luận giám định số: 27/KL-KTHS(Đ2-MT), ngày 26/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: "- Mẫu chất rắn màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T2 và Vi Văn T1 gửi tới giám định là ma túy (Heroine). Số chất rắn màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T2 và Vi Văn T1 có khối lượng là 1,415g (Một phẩy bốn trăm mười lăm gam)."

Bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-QC ngày 10/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An, truy tố các bị cáo Lữ Văn T, Vi Văn T1, Vang Văn V và Nguyễn Văn T2 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lữ Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn T1 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt các bị cáo Vang Văn V và Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam.

Buộc các bị cáo Lữ Văn T, Nguyễn Văn T2 chịu án phí Hình sự sơ thẩm, xem xét miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Vi Văn T1 và Vang Văn V theo quy định của pháp luật. Ngoài ra căn cứ vào hoàn cảnh kinh tế, tài sản để đảm bảo thi hành án đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen bạc, biển kiểm soát 37H1-545.60, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T2 là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy (Heroine) còn lại cùng toàn bộ vỏ, bao gói được niêm phong trong 01 phong bì thư theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: Đồng ý và không có ý kiến tranh luận gì đối với điều luật áp dụng, tội danh và mức khung hình phạt theo truy tố, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình cần cân nhắc, xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho mỗi bị cáo và các yếu tố bị cáo T1, V và T2 mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức, hiểu biết về pháp luật còn nhiều hạn chế, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo Lữ Văn T còn có các tình tiết giảm nhẹ bố đẻ là người có công với đất nước được tặng thưởng huân, huy chương, sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Vi Văn T1 là gia đình có công thờ phụng liệt sỹ.

Từ những phân tích nêu trên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lữ Văn T mức án khoảng 02 năm tù; Áp dụng c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 mức án từ 12 đến 18 tháng tù là phù hợp. Đề nghị xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xem xét trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) chiếc xe mô tô hiện đang bị tạm giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn T1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vang

Văn V khoảng 01 năm 06 tháng tù là phù hợp. Ngoài ra đề nghị xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Vi Văn T1, Vang Văn V.

Tại phần tranh luận các bị cáo không tranh luận gì, không có ý kiến bổ sung thêm vào bản bào chữa cho mình. Nói lời nói sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo đều nhận ra sai trái của mình và có ý kiến xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra Công an thu thập có tại hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại; kết luận giám định; biên bản tiếp nhận người đầu thú; bản tự khai, biên bản hỏi cung, lấy lời khai của các bị cáo, phù hợp với lời khai nhận tại phiên tòa, cũng như những tài liệu, chứng cứ khách quan khác thu thập có trong hồ sơ, đủ căn cứ xác định:

Khoảng 14 giờ 50 phút, ngày 20/12/2022 tại khu vực bản M, xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An. Công an xã CP phối hợp với Công an xã DL tuần tra, đảm bảo an ninh đã tiến hành kiểm tra hành chính bắt quả tang các bị cáo Vi Văn T1 và Nguyễn Văn T2 có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy (Heroine) có đặc điểm được bọc bằng hai lớp, lớp bên ngoài bọc bằng mảnh bao nilon màu trắng, lớp bên trong bọc bằng mảnh bao nilon màu hồng có khối lượng sau khi loại bỏ bao bì là 1,415g (Một phẩy, bốn trăm mười lăm gam) với mục đích để sử dụng, quá trình điều tra xác định gói ma túy các bị cáo tàng trữ do bị cáo Lữ Văn T góp tiền mua chung và bị cáo Vang Văn V là người trực tiếp mua hộ về để các bị cáo sử dụng. Sau khi các bị cáo T1 và T2 bị bắt, bị cáo Lữ Văn T đã tự nguyện ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo Vang Văn V bị bắt khẩn cấp, quá trình điều tra đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và mức hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người và đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương, bởi ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các căn bệnh truyền nhiễm khác. Bản thân các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được tác hại của chất ma túy, nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân để tránh xa tệ nạn ma túy mà vẫn cố ý phạm tội nhằm thỏa mãn nhu cầu bất hợp pháp của cá nhân, nên cần lên cho các bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để các bị cáo được cải tạo, giáo dục, có thời gian sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ, bàn bạc từ trước, nên khi lượng hình cần xem xét đến vai trò, mức độ tham gia và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của của mỗi bị cáo để đưa ra mức án nghiêm, phù hợp, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của mỗi bị cáo.

Bị cáo Lữ Văn T là người khởi xướng, góp số tiền nhiều nhất và tích cực thực hiện hành vi phạm tội, ngoài ra bị cáo đang có 01 tiền án bị xét xử về các tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới, nên bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng là tái phạm, bị cáo giữ vai trò đầu vụ, cần phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; Bị cáo Vi Văn T1 là người tích cực hưởng ứng, góp tiền với bị cáo T, tác động bị cáo T2 cùng thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò thứ hai trong vụ án; Bị cáo Vang Văn V và Nguyễn Văn T2 giữ vai trò là người giúp sức, tích cực hưởng ứng thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò ngang nhau.

[4] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lữ Văn T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Vi Văn T1, Vang Văn V và Nguyễn Văn T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, cả bốn bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Lữ Văn T có bố đẻ là người có công và ra đầu thú, bị cáo Vi Văn T1 là gia đình có công thờ phụng liệt sỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng thêm hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động tự do, hiện đang bị tạm giam, không có tài sản riêng để đảm bảo cho việc thi hành án, nên Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo V ở khu vực rừng núi xã CH, huyện QC theo như lời khai, cơ quan điều tra Công an đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch, nên không có cơ sở để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về vật chứng.

[7.1] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đen bạc, biển kiểm soát 37H1-545.60 đăng ký mang tên chủ sở hữu là Nguyễn Văn T2, trong quá trình điều tra, xác minh làm rõ không nhằm mục đích sử dụng làm công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của các bị cáo, nên cần xem xét trả lại cho bị cáo T2.

[7.2] Khối lượng ma túy (Heroine) còn lại là 1,29g (Một phẩy hai mươi chín gam) sau khi đã đưa đi giám định là chất thuộc danh mục Nhà nước cấm tàng trữ, sử dụng và lưu hành dưới mọi hình thức; cùng mảnh bao nilon màu trắng, màu hồng và vỏ bao niêm phong cũ được niêm phong lại là những vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Lữ Văn T và Nguyễn Văn T2 chịu án phí Hình sự sơ thẩm; Trước khi phiên tòa diễn ra các bị cáo Vi Văn T1 và Vang Văn V có đơn xin miễn án phí và thuộc đối tượng được xem xét miễn án phí theo quy định của pháp luật nên cần miễn án phí cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lữ Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 22/12/2022.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn T1 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 20/12/2022.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 20/12/2022.

Xử phạt bị cáo Vang Văn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 20/12/2022.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen bạc, số khung RLHJA3928MY266025, số máy JA39E2386329, biển kiểm soát 37H1-545.60, xe đã qua sử dụng, đăng ký mang tên Nguyễn Văn T2 cho bị cáo Nguyễn Văn T2.

Tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy (Heroine) còn lại là 1,29g (một phẩy hai mươi chín gam) cùng mảnh bao nilon màu trắng, mảnh bao nilon màu hồng và vỏ bao niêm phong cũ được niêm phong theo quy định.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, lập ngày 11/4/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳ Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An).

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lữ Văn T, Nguyễn Văn T2 chịu án phí Hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Vi Văn T1 và Vang Văn V.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ Châu;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳ Châu;
- Cơ quan THAHS CA huyện Quỳ Châu;
- Cơ quan THADS huyện Quỳ Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã CP, huyện QC, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã CT, huyện QH, tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo;
- lưu HS, VP;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Văn Đông